

**Bản án số: 81/2017/DS - ST**

**Ngày: 12-7-2017**

**“V/v tranh chấp giao dịch dân sự, hợp đồng  
dân sự đối với Hợp đồng mua bán tài sản”**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông PHẠM HẢI DUY**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Ông MÃ THANH TRUNG**

**2. Ông TRẦN THANH TÙNG**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **LƯƠNG THẾ VINH** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: (không có)**

Ngày 12 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2017/TLST- DS ngày 29 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp “ Giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự đối với Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2017/QĐXX-ST ngày 05 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Bà NGUYỄN THỊ T, sinh năm 1970.**

Địa chỉ: ấp 04, xã T, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

**\*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** (văn bản ủy quyền ngày 19/4/2017): **Ông NGUYỄN VĂN T**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp 02, xã A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

**2. Bị đơn: Bà NGUYỄN THỊ H**, sinh năm 1973.

**Ông NGUYỄN VĂN M**, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: tổ 01, ấp 04, xã T, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

(Bà Nguyễn Thị T và Ông Nguyễn Văn T có mặt; bà Nguyễn Thị H vắng mặt; ông Nguyễn Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện, Tờ tự khai ngày 25/3/2017 nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:**

Từ tháng 10/2016 đến tháng 12/2016 bà T có giao dịch mua bán hàng hóa là rổ xộp với vợ chồng ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H. Sau khi kết toán sổ sách thì vợ chồng ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H còn nợ bà T số tiền là 152.260.000đ đồng thời hai bên đã ngừng mọi giao dịch mua bán từ đó cho đến nay.

Bà T có nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H thanh toán số tiền mua hàng hóa còn nợ là 152.260.000đ nhưng ông Mười và bà Hoa cứ hẹn lần lựa kéo dài gây thiệt hại cho bà T.

Cho nên, bà Nguyễn Thị T yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H cùng chịu trách nhiệm thanh toán cho bà T số tiền mua bán hàng hóa còn nợ là 152.260.000đ. Trả 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T có ý kiến xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện với nội dung như sau: “ Bà Nguyễn Thị T yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H cùng chịu trách nhiệm thanh toán cho bà T số tiền mua bán hàng hóa còn nợ là 146.585.000đ. Trả 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

**Bị đơn là ông Nguyễn Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt theo đơn xin vắng mặt ngày 05/5/2017.**

**Tại bản tự khai ngày 05/5/2017, bị đơn là ông Nguyễn Văn M trình bày:**

Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng. Vợ chồng ông bà có mua dụng cụ làm trái cây của bà Nguyễn Thị T nhưng do bà T giao hàng không đúng chất lượng dẫn đến bị hư hỏng nhiều gây lổ lã cho vợ chồng ông bà, Ông Nguyễn Văn M thừa nhận vợ chồng ông còn nợ bà Nguyễn Thị T số tiền là 146.585.000đ, đồng thời hẹn khi nào vợ chồng ông bà làm có tiền sẽ thanh toán số nợ trên cho bà T.

**Bị đơn là bà Nguyễn Thị H vắng mặt**

**Tại bản tự khai ngày 05/5/2017, bị đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn M là vợ chồng. Bà Nguyễn Thị H thừa nhận chỉ nợ bà Nguyễn Thị T số tiền mua hàng hóa là rổ nhựa đựng trái cây tính đến ngày 14/12/2016 là 146.585.000đ, đồng thời cũng hẹn khi nào vợ chồng bà làm có tiền sẽ thanh toán số nợ trên cho bà T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn là bà Nguyễn Thị H vắng mặt, bị đơn là ông Nguyễn Văn M có đơn xin vắng mặt. Xét thấy, bị đơn là bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời bị đơn là bà Nguyễn Thị H không có yêu cầu phản tố. Đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn M có đơn xin vắng mặt vào ngày 05/5/2017, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật. Cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn là có căn cứ và đúng với quy định của pháp luật.

**[2] Về thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:** Tại phiên Tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T chỉ yêu cầu các bị đơn trả số tiền mua bán hàng hóa còn nợ là 146.585.000đ. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

**[3] Về chứng cứ trong vụ án:** Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T có cung cấp 01 cuốn sổ mua bán thùng xốp ghi nội dung giao dịch giữa nguyên đơn và các bị đơn. Đối với chứng cứ này, các bị đơn là bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn M cũng thừa nhận tính đến ngày 14/12/2016 còn nợ nguyên đơn số tiền là 146.585.000đ đồng thời có ký tên xác nhận số nợ trên.

**[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:** Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T yêu cầu các bị đơn là bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn M cùng chịu trách nhiệm trả cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T số tiền mua bán hàng hóa còn nợ là 146.585.000đ. Xét thấy, giữa nguyên đơn và các bị đơn đã tiến hành giao dịch mua bán hàng hóa là thùng rổ xốp đựng trái cây trong một thời gian dài với hình thức giao hàng gởi đầu, trả tiền sau, có lập sổ theo dõi. Tuy nhiên, từ tháng 12/2016 cho đến nay, nguyên đơn và các bị đơn đã ngừng các giao dịch mua bán nhưng các bị đơn không thanh toán số tiền mua hàng hóa còn nợ cho nguyên đơn là không phù hợp với quy định của pháp luật, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Cho nên, yêu cầu của nguyên đơn đòi các bị đơn phải thanh toán số tiền mua bán hàng hóa còn nợ là 146.585.000đ là chính đáng và có căn cứ pháp luật để Hội đồng xét xử xem xét.

**[4] Về án phí DSST:** Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 430, 433, 440 và 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 của Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

**[1] Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T.** Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H trả cho bà Nguyễn Thị T **146.585.000đ (một trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn đồng)** tiền mua bán hàng hóa còn nợ.

**[2] Về án phí, chi phí tố tụng:**

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **3.806.500đ (ba triệu tám trăm lẻ sáu ngàn năm trăm đồng)** theo biên lai thu số 06613 ngày 29/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H phải cùng chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là **7.329.500đ (bảy triệu ba trăm hai mươi chín ngàn năm trăm đồng)**.

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.*

*Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**PHẠM HẢI DUY**